

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **24/2020/DS-PT**

Ngày: 16/3/2020

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang Tấn

Các Thẩm phán: Ông Võ Thanh Huyền

Ông Nguyễn Như Tám

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Nguyễn Thanh Huy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Lành - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 17/2020/TLPT-DS ngày 16 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 143/DS-ST ngày 22/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện KL, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2020/QĐ-PT ngày 27 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ch, sinh năm: 1971. Địa chỉ: Ấp BTh, xã BS, huyện HD, tỉnh Kiên Giang (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền bà Ch: Ông Mai Hồng H, sinh năm: 1969. Địa chỉ: ấp RĐ, xã BTr, huyện KL, tỉnh Kiên Giang (Theo Văn bản ủy quyền ngày 23/8/2019) - (Có mặt).

- Đồng bị đơn: Ông Nguyễn Chí L, sinh năm: 1978 và Trần Thị G, sinh năm: 1978. Cùng địa chỉ: Ấp KS, xã KB, huyện KL, tỉnh Kiên Giang (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của đồng bị đơn: Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm: 1978. Địa chỉ: Số 83 LCU, phường BK, thành phố LX, tỉnh An Giang (Theo Văn bản ủy quyền ngày 27/02/2020) - (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ch và người đại diện là ông Mai Hồng H trình bày:

Từ năm 2016 đến năm 2018 bà Ch có bán phân bón, thuốc trừ sâu cho ông Nguyễn Chí L và bà Trần Thị G. Bà Ch cung cấp phân bón, thuốc trừ sâu khi vợ chồng ông L, bà G cần và thanh toán ngay hay nợ lại đến cuối vụ lúa thanh toán sau. Lúc đầu vợ chồng ông, bà thanh toán giữ chữ tín. Đến ngày 10/6/2018 hai bên đối chiếu sổ sách vợ chồng ông L, bà G còn nợ lại bà Ch số tiền 1.512.000.000 đồng. Từ đó đến nay bà Ch nhắc nhở nhiều lần nhưng vợ chồng ông L, bà G không trả nợ.

Nay bà Ch yêu cầu vợ chồng ông L, bà G phải trả số nợ 1.512.000.000 đồng và yêu cầu lãi chậm trả theo quy định của pháp luật từ ngày 10/6/2018 đến khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm.

Bị đơn bà Trần Thị G và ông Nguyễn Chí L trình bày:

Vợ chồng ông L, bà G thừa nhận còn nợ bà Ch tiền phân bón, thuốc trừ sâu là 1.512.000.000 đồng, ngày 10/6/2018 giữa hai bên cùng ngồi lại đối chiếu sổ sách. Ngày 29/4/2019 có trả được cho bà Ch 10 thùng thuốc diệt cỏ tương đương 40.000.000 đồng và tiền mặt 30.000.000 đồng, tổng cộng là 70.000.000 đồng, không có biên nhận. Việc ông, bà trả nợ cho bà Ch thì có ông Phạm Văn Th, sinh năm: 1977, ngụ tại: Tổ 5, ấp K9, xã BG, huyện HD và ông Bảy L1 biết việc này. Như vậy ông, bà chỉ còn nợ lại bà Ch số tiền 1.442.000.000 đồng. Ông, bà đồng ý trả mỗi năm 200.000.000 đồng cho bà Ch đến khi hết nợ, xin bà Ch miễn tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Ngày 29/10/2019, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có làm bản tường trình xác nhận ngày 29/4/2019 vợ chồng ông L, bà G có thanh toán cho nguyên đơn số tiền 70.000.000 đồng và còn nợ lại số tiền 1.442.000.000 đồng. Tại phiên tòa đại diện cho nguyên đơn không đồng ý cho ông L, bà G trả mỗi năm 200.000.000 đồng mà yêu cầu vợ chồng ông L, bà G phải trả một lần hết số nợ 1.442.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày 10/6/2018.

Bản án dân sự sơ thẩm số 143/2019/DS-ST ngày 22/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện KL, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ch. Buộc bà Trần Thị G và ông Nguyễn Chí L phải trả cho bà Ch số tiền cả gốc và lãi là 1.656.430.000đ (Một tỷ sáu trăm năm mươi sáu triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên án phí, lãi suất chậm trả và báo quyền kháng cáo trong thời gian luật định.

Ngày 02/12/2019, bị đơn ông Nguyễn Chí L, bà Trần Thị G có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung:

Ông bà yêu cầu bà Ch tạo điều kiện cho ông bà trả theo mùa vụ mỗi năm bằng 200.000.000 đồng (tương đương 2 mùa vụ/năm)

Ông bà chỉ đồng ý chịu phần lãi suất Ngân hàng của số tiền gốc 1.442.000.000 đồng tính từ ngày 27/9/2019.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của đồng bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Đồng thời có đề nghị bổ sung nếu như làm ăn thuận lợi, thì vợ chồng ông L, bà G có thể trả cho bà Ch mỗi năm từ 200.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng. Bên cạnh đó, yêu cầu Hội đồng xét xử tuyên hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời để ông L, bà G tiếp tục thực hiện việc sang tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phạm Văn Th.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác đơn kháng cáo của đồng bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các đương sự không thỏa thuận với nhau nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng trong vụ án từ khi thụ lý đến trước thời điểm nghị án tại phiên tòa phúc thẩm đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử bác đơn kháng cáo của đồng bị đơn ông Nguyễn Chí L, bà Trần Thị G. Giữ giữ nguyên án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ch và đồng bị đơn ông Nguyễn Chí L, bà Trần Thị G đều vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đã có văn bản ủy quyền cho người đại diện tham gia tố tụng tại Tòa án. Do đó, căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiếp tục giải quyết vụ án.

[2] Xét nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Chí L, bà Trần Thị G thừa nhận còn nợ tiền mua vật tư nông nghiệp của bà Nguyễn Thị Ch như bản án sơ thẩm đã tuyên xin được trả dần mỗi năm từ 200.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng. Nhưng việc này tại phiên tòa sơ thẩm, cũng như tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, người đại

diện theo ủy quyền của nguyên đơn không thống nhất, nên Hội đồng xét xử không thể tự ấn định thời hạn trả nợ như yêu cầu của bị đơn, vì khi đó sẽ xâm phạm đến quyền lợi của bên được thi hành án vấn đề này đã được quy định tại Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/6/1997 Hướng dẫn việc xét xử và Thi hành án về tài sản. Do vậy, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận yêu cầu này.

[3] Đối với nội dung kháng cáo không thống nhất tính lãi từ ngày 10/6/2018, mà yêu cầu xem xét tính lãi cho ông L, bà G từ ngày Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý là ngày 27/9/2019. Tuy nhiên việc này không được nguyên đơn đồng ý, từ ngày 10/6/2018 hai bên đã thực hiện việc chốt nợ, nhưng ông L, bà G không thực hiện việc trả tiền cho bà Ch, nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông L, bà G phải chịu trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền từ ngày 10/8/2018 theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 là thỏa đáng.

[4] Ngoài ra, đối với đề nghị Hội đồng xét xử hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời để ông L, bà G tiếp tục thực hiện việc sang tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phạm Văn Th. Việc ông L, bà G chuyển nhượng đất cho ông Th, hai bên đã lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật, nhưng ông L, bà G không trích một phần tiền nào trả cho bà Ch, cho thấy ông L, bà G không có thiện chí trả nợ cho bà Ch. Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn yêu cầu tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời để đảm bảo cho việc thi hành án. Vì vậy, yêu cầu này không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của đồng bị đơn không đưa ra được tình tiết, chứng cứ nào mới. Do đó trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, không chấp nhận kháng cáo của đồng bị đơn và trình bày của người đại diện theo ủy quyền của đồng bị đơn. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí:

- *Án phí dân sự sơ thẩm:*

Ông Nguyễn Chí L và bà Trần Thị G phải nộp án phí sơ thẩm trên số tiền buộc phải trả cho bà Chiên là 1.656.430.000 đồng. Cụ thể: 36.000.000 đồng + $[3\% \times (1.656.430.000 \text{ đồng} - 800.000.000 \text{ đồng})] = 61.692.000 \text{ đồng}$.

Do yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ch được chấp nhận, nên không phải nộp án phí. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà Ch.

- *Về án phí dân sự phúc thẩm:*

Do yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Chí L, bà Trần Thị G không được chấp nhận, nên phải nộp án phí dân sự phúc thẩm, khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Áp dụng các Điều 357, 430, 434, 440 và 468 của Bộ luật Dân sự 2015;

Áp dụng các Điều 144, 145, 147, 148, Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Không chấp nhận nội dung kháng cáo của đồng bị đơn ông Nguyễn Chí L, bà Trần Thị G.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 143/2019/DS-ST ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện KL, tỉnh Kiên Giang.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ch. Buộc ông Nguyễn Chí L, bà Trần Thị G phải trả cho bà Nguyễn Thị Ch số tiền cả gốc và lãi là 1.656.430.000đ (*Một tỷ sáu trăm năm mươi sáu triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

“Mức lãi suất hai bên thỏa thuận” là mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận trong hợp đồng hoặc tại Tòa án. Trường hợp, các bên không có thỏa thuận về mức lãi suất nợ quá hạn thì mức lãi suất nợ quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn.

2. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2020/QĐ-BPKCTT ngày 05/02/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang để đảm bảo cho việc thi hành án.

3. Về án phí:

- Án dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Nguyễn Chí L, bà Trần Thị G phải nộp án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 61.692.000đ (*Sáu mươi một triệu sáu trăm chín mươi hai nghìn đồng*).

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Ch số tiền tạm ứng án phí đã nộp 28.680.000đ (*Hai mươi tám triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004453 ngày 27/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện KL, tỉnh Kiên Giang (Do ông Mai Hồng H nộp thay).

- Án phí dân sự phúc thẩm:

Buộc ông Nguyễn Chí L, bà Trần Thị G phải nộp án phí nộp án phí dân sự phúc thẩm với số tiền 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0000027 ngày 19/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện KL, tỉnh Kiên Giang. Ông L, bà G không phải nộp thêm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện KL;
- THA dân sự huyện KL;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Quang Tấn